TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1988; địa chỉ: 12A Y, Tổ 2, phường TN, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Vũ Văn M, sinh năm 1967; địa chỉ: 12A Y, Tổ 2, phường TN, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11–01–2022, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Vũ Văn M tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện ĐG, tỉnh K và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27-3-2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên gây gỗ, đánh nhau. Vợ chồng đã sống ly thân được 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được ly hôn đối với ông Vũ Văn M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có một con chung là cháu Vũ Minh Quân, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2015. Nguyện vọng sau khi ly hôn của bà D là được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Vũ Văn M. Tuy nhiên, ông M không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, ông Vũ Văn M không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc D làm đơn yêu cầu Tòa án nhân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Vũ Văn M. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của bà D đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là ông Vũ Văn M cư trú tại thành phố Pleiku nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Vũ Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án để ông M đến tham gia phiên tòa lần hai nhưng ông M vắng mặt, không có văn bản gửi cho Tòa án biết lý do vắng mặt của mình nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Văn M.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Vũ Văn M có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện ĐG, tỉnh K vào ngày 27-3-2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, bà D và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, ông bà đã sống ly thân từ được 01 năm nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông M đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để ông M tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc bà D xin ly hôn nhưng ông M đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Vũ Văn M đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc ly hôn ông Vũ Văn M là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[4] Về con và cấp dưỡng nuôi con: Bà D và ông M có 01 con chung là cháu Vũ Minh Quân, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2015.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung ngày 25-4-2022, cháu Vũ Minh Quân có nguyện vọng được ở với chị D, bản thân bà D có nguyện vọng được nuôi con. Mặt khác, trong quá trình tiến hành tố tụng ông M không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình và không có ý kiến gì việc nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà D là chính đáng, đúng với nguyện vọng của con, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D được chấp nhận nên bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn ông Vũ Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Minh Quân, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001251 ngày 19-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Vũ Văn M vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THA dân sự Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- UBND xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum (GCNKH số: 18, ngày 27-3-2014);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhàn